

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC HÓA CHẤT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2017
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017



Tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đỗ Quang Tảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Ủy viên
Ông Trần Quang Oánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Khang	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Hưng	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Trương Thị Huyền Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Liên	Thường trực Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Kim Liên	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc
Ông Trần Quang Oánh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Minh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Việt Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 30.08/2017/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 08 năm 2017, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được soạn lập trên cơ sở số liệu đầu kỳ và số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế. Trong đó, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc hệ thống tài sản dự án thẻ chưa được tính khấu hao từ thời điểm hoàn thành năm 2012 đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015. Trong kỳ, Công ty chưa thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào liên quan ý kiến ngoại trừ này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc không trích khấu hao đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty đang theo dõi số dư khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” số tiền là 6.474.104.508 đồng, “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” là 400.000.000 đồng, “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” số tiền là 119.296.352 đồng, tổng cộng là 6.993.400.860 đồng. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ của các khoản mục phải thu và tài sản này, do đó chúng tôi không đưa ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục phải thu và tài sản này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021- 2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2017

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		549.309.908.834	396.903.182.861
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	136.103.421.832	161.331.383.177
1. Tiền	111		11.622.668.655	71.457.660.517
2. Các khoản tương đương tiền	112		124.480.753.177	89.873.722.660
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		329.248.520.610	197.750.775.196
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	64.770.954.788	90.897.371.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	250.145.021.796	94.465.046.713
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	14.434.405.606	12.341.304.728
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(101.861.580)	(101.861.580)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	148.913.386
III. Hàng tồn kho	140		79.231.716.537	34.529.500.246
1. Hàng tồn kho	141	V.7	79.231.716.537	34.529.500.246
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.726.249.855	3.291.524.242
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	1.186.095.657	578.583.853
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.320.407.382	2.018.947.796
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	219.746.816	693.992.593
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.832.044.696	71.817.052.710
I. Tài sản cố định	220		25.930.781.621	27.221.439.786
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21.326.979.884	22.362.665.479
- Nguyên giá	222		43.028.538.782	45.349.844.517
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.701.558.898)	(22.987.179.038)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.603.801.737	4.858.774.307
- Nguyên giá	228		5.631.175.367	5.669.175.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.027.373.630)	(810.401.060)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		42.440.680.956	41.933.837.327
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	42.440.680.956	41.933.837.327
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		815.333.400	1.061.033.400
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		815.333.400	1.061.033.400
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.645.248.719	1.600.742.197
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	1.645.248.719	1.600.742.197
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		620.141.953.530	468.720.235.571

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		567.338.077.968	412.881.778.421
I. Nợ ngắn hạn	310		512.357.723.422	358.357.423.875
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	67.871.092.747	84.765.027.108
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	368.462.623.525	224.865.678.558
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	286.500.899	1.199.289.072
4. Phải trả người lao động	314		2.980.335.821	3.308.825.932
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	904.060.724	265.107.346
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		480.610.000	124.818.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	63.028.343.088	32.188.712.159
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	8.150.000.000	11.594.898.900
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		194.156.618	45.066.618
II. Nợ dài hạn	330		54.980.354.546	54.524.354.546
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	54.980.354.546	54.524.354.546
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.803.875.562	55.838.457.150
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	52.803.875.562	55.838.457.150
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.111.444.061	1.757.072.287
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		692.431.501	4.081.384.863
- LNST chưa phân phối lũy kế năm trước	421a		66.317.550	66.317.550
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		626.113.951	4.015.067.313
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		620.141.953.530	468.720.235.571



[Signature]

Lê Thị Hiền
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2017

[Signature]

Lê Thị Hiền
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Hùng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 02a - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	175.295.310.455	188.241.325.611
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		175.295.310.455	188.241.325.611
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	166.120.103.394	179.044.673.637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.175.207.061	9.196.651.974
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.803.272.904	1.299.459.238
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	928.861.656	415.059.869
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		313.539.363	356.415.707
8. Chi phí bán hàng	25		-	1.438.387.750
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.940.998.961	6.702.332.792
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.108.619.348	1.940.330.801
11. Thu nhập khác	31		47.165.242	15.275.718
12. Chi phí khác	32	VI.6	1.213.169.740	16.440.937
13. Lợi nhuận khác	40		(1.166.004.498)	(1.165.219)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		942.614.850	1.939.165.582
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	316.500.899	387.833.116
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		626.113.951	1.551.332.466
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	120	295
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		120	295



Lê Thị Hiền
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2017



Lê Thị Hiền
Kế toán trưởng




Nguyễn Việt Hùng
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 03a - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	942.614.850	1.939.165.582
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.262.143.966	719.661.280
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.560.146.573)	(1.255.192.485)
Chi phí lãi vay	06	313.539.363	356.415.707
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	958.151.606	1.760.050.084
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(133.089.954.762)	(28.536.916.913)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(44.702.216.291)	12.017.139.259
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	158.408.931.817	(591.804.240)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(652.018.326)	175.872.267
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.168.622.697)	(356.415.707)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(996.284.072)	(220.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(21.242.012.725)	(15.752.075.250)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(598.447.992)	(2.851.399.869)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	46.420.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.583.660.772	1.255.192.485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.031.632.780	(1.596.207.384)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	43.100.000.000	25.567.190.296
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(46.544.898.900)	(42.344.017.966)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.572.682.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.017.581.400)	(16.776.827.670)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(25.227.961.345)	(34.125.110.304)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	161.331.383.177	111.899.137.265
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	136.103.421.832	77.774.026.961


Lê Thị Hiền
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2017


Lê Thị Hiền
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ TIN HỌC
HÓA CHẤT
Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI
Nguyễn Việt Hùng
Giám đốc

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần nhà nước giữ cổ phần chi phối được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty Điện tử Tin học hóa chất, trực thuộc Viện khoa học và Công nghệ quân sự thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 4570/QĐ-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Bộ Quốc Phòng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100306030 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 06 năm 2010. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 11 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 50 tỷ đồng (Năm mươi tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu và chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa thiết bị Nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Cổng thông tin;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Lập trình máy vi tính;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết : Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn đồ uống;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: kinh doanh thiết bị ngành y tế. Xuất, nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị và các hệ thống đồng bộ, nông lâm hải sản, thực phẩm chế biến phục vụ sản xuất của Công ty. Kinh doanh thiết bị ngành xăng dầu, đo lường. Xuất nhập khẩu hàng kim khí điện máy, phương tiện vận chuyển;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; và
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị Thành viên như sau:

Tên Đơn vị**Địa chỉ**

- Xí nghiệp Vật liệu hóa chất
- Xí nghiệp Điện tử Tin học
- Xí nghiệp Giải Pháp
- Phòng Kỹ thuật
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu
- Phòng Đầu tư
- Ban Đầu tư Dự án Cầu Giấy
- Ban quản lý Dự án Yên Thọ
- Phòng Viễn Thông

- Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số 19 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà Nội

Công ty có trụ sở tại số 8 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 187 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 207 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, giá gốc của hàng hóa theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 30 năm, phần mềm có thời gian khấu hao 10 năm và tài sản cố định vô hình khác có thời gian khấu hao là 30 năm.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.403.019.204	1.330.183.127
Tiền gửi ngân hàng	10.219.649.451	70.127.477.390
Các khoản tương đương tiền (*)	124.480.753.177	89.873.722.660
Cộng	136.103.421.832	161.331.383.177

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất tiền gửi từ 4,3%/năm đến 5%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng hoạt động thương mại	18.317.302.211	27.128.755.932
Phải thu khách hàng hoạt động xây dựng	44.138.009.898	63.399.971.017
Phải thu khách hàng hoạt động dịch vụ	2.315.642.679	368.645.000
Cộng	64.770.954.788	90.897.371.949

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC HÓA CHẤTSố 8 Láng Hạ, phường Thành Công,
quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước người bán hoạt động thương mại	247.042.542.799	93.122.962.233
Trả trước người bán hoạt động xây dựng	2.182.908.493	830.404.850
Trả trước người bán hoạt động dịch vụ	919.570.504	511.679.630
Cộng	250.145.021.796	94.465.046.713

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	3.006.728.895	2.500.014.687
Ký cược, ký quỹ	2.336.151.478	1.983.055.840
Phải thu ngắn hạn khác	9.091.525.233	7.858.234.201
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu từ dự án Cầu Giấy	4.045.734.515	4.045.734.515
- Phải thu ông Bùi Đức Mạnh	1.206.284.373	1.206.284.373
- Phải thu tiền mua cổ phần theo tỷ lệ của Công đoàn Công ty	206.953.120	230.553.120
- Phải thu phần vốn không được chấp nhận khi xác định vốn nhà nước	-	714.527.139
- Phải thu khác	3.632.553.225	1.661.135.054
Cộng	14.434.405.606	12.341.304.728

5. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	89.927.211	114.681.859
Chi phí triển khai hợp đồng	1.036.474.109	443.525.314
Chi phí trả trước khác	59.694.337	20.376.680
Cộng	1.186.095.657	578.583.853
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thuê đất tại nhà máy Quang Minh	1.584.303.749	1.583.046.440
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.617.334	9.537.333
Chi phí trả trước khác	37.327.636	8.158.424
Cộng	1.645.248.719	1.600.742.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a - DN***Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. Nợ xấu**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian
	VND	VND	quá hạn	VND	VND	quá hạn
Công ty TNHH Dịch vụ Trục tuyến 3G Dotcom	49.500.000	-	Trên 3 năm	49.500.000	-	Trên 3 năm
UBND tỉnh Quảng Trị	3.958.500	-	Trên 3 năm	3.958.500	-	Trên 3 năm
Viện chiến lược bưu chính viễn thông	27.100.000	-	Trên 3 năm	27.100.000	-	Trên 3 năm
Điện lực Từ Liêm	8.110.080	-	Trên 3 năm	8.110.080	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hy vọng	3.193.000	-	Trên 3 năm	3.193.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Công nghệ Thiên Mã	10.000.000	-	Trên 3 năm	10.000.000	-	Trên 3 năm
Cộng	101.861.580	-		101.861.580	-	

7. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	749.722.799	-	620.594.069	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	53.750.197.255	-	22.285.122.913	-
Hàng hoá	24.731.796.483	-	11.623.783.264	-
Cộng	79.231.716.537	-	34.529.500.246	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một số phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	30/06/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	155.576.616	183.878.380	142.890.353	196.564.643
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	55.160.568	452.254.720	18.996.970	488.418.318
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp cho nhà nước	9.009.632	727.809	727.809	9.009.632
Cộng	219.746.816	636.860.909	162.615.132	693.992.593
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	4.044.689.878	4.044.689.878	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.207.659	6.207.659	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	286.500.899	316.500.899	996.284.072	966.284.072
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	233.005.000	233.005.000
Thuế khác	-	219.598.275	219.598.275	-
Cộng	286.500.899	4.586.996.711	5.499.784.884	1.199.289.072

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC HÓA CHẤTSố 8 Láng Hạ, phường Thành Công,
quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	29.924.595.787	12.963.198.794	2.094.355.600	367.694.336	45.349.844.517
Mua trong kỳ	-	-	-	37.200.000	37.200.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.306.165.152)	(670.627.847)	(140.394.500)	(241.318.236)	(2.358.505.735)
Tại ngày 30/06/2017	28.618.430.635	12.292.570.947	1.953.961.100	163.576.100	43.028.538.782
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	17.617.921.594	2.939.972.568	2.094.355.600	334.929.276	22.987.179.038
Khấu hao trong kỳ	577.897.660	406.275.830	-	22.997.906	1.007.171.396
Thanh lý, nhượng bán	(1.270.372.342)	(645.407.846)	(140.394.500)	(236.616.848)	(2.292.791.536)
Điều chỉnh do phân loại	(56.528.722)	56.528.722	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	16.868.918.190	2.757.369.274	1.953.961.100	121.310.334	21.701.558.898
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	12.306.674.193	10.023.226.226	-	32.765.060	22.362.665.479
Tại ngày 30/06/2017	11.749.512.445	9.535.201.673	-	42.265.766	21.326.979.884

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 6.737.663.491 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.795.530.180 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 9.390.488.391 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TIN HỌC HÓA CHẤTSố 8 Láng Hạ, phường Thành Công,
quận Ba Đình, thành phố Hà Nội**BAO CAO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một số phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	710.780.000	4.916.345.367	42.050.000	5.669.175.367
Giảm khác	-	(38.000.000)	-	(38.000.000)
Tại ngày 30/06/2017	710.780.000	4.878.345.367	42.050.000	5.631.175.367
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	248.455.689	552.834.535	9.110.836	810.401.060
Khấu hao trong kỳ	11.854.470	242.417.267	700.833	254.972.570
Giảm khác	-	(38.000.000)	-	(38.000.000)
Tại ngày 30/06/2017	260.310.159	757.251.802	9.811.669	1.027.373.630
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	462.324.311	4.363.510.832	32.939.164	4.858.774.307
Tại ngày 30/06/2017	450.469.841	4.121.093.565	32.238.331	4.603.801.737

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình tạm thời không sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 4.121.093.561 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a - DN***Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lò mạ vuông	114.296.532	114.296.532
Chi phí đất Hòa Bình	5.000.000	5.000.000
Công trình dự án Cầu Giấy	42.293.737.697	41.786.960.068
Công trình dự án Yên Thọ	27.646.727	27.580.727
Cộng	42.440.680.956	41.933.837.327

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán hoạt động thương mại	41.061.507.110	41.061.507.110	39.911.056.427	39.911.056.427
Phải trả người bán hoạt động xây dựng	24.373.823.171	24.373.823.171	44.412.261.702	44.412.261.702
Phải trả người bán hoạt động dịch vụ	2.435.762.466	2.435.762.466	441.708.979	441.708.979
Cộng	67.871.092.747	67.871.092.747	84.765.027.108	84.765.027.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Người mua trả tiền trước hoạt động thương mại	323.530.008.367	213.390.265.245
Người mua trả tiền trước hoạt động xây dựng	44.275.141.958	11.475.413.313
Người mua trả tiền trước hoạt động dịch vụ	657.473.200	-
Cộng	368.462.623.525	224.865.678.558

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí trích trước các công trình xây lắp	491.977.634	85.800.134
Chi phí trích trước hoạt động thương mại	150.000.000	179.307.212
Chi phí trích trước hoạt động dịch vụ	262.083.090	-
Cộng	904.060.724	265.107.346

15. Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	189.289.486	121.452.563
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.623.136.854	50.454.354
Các khoản phải trả, phải nộp khác	61.215.916.748	32.016.805.242
- Phải trả Cục Tài chính	5.400.150.000	5.400.150.000
- Phải trả ông Nguyễn Việt Hưng	-	1.077.171.698
- Phải trả ông Bùi Đức Mạnh	7.511.210.253	8.411.210.253
- Phải trả ông Đỗ Xuân Giao Hương	3.980.000.000	1.680.000.000
- Phải trả hợp đồng ủy thác	40.917.972.500	10.754.731.712
- Phải trả lãi vay cá nhân	151.666.666	1.006.750.000
- Các khoản phải trả khác	3.254.917.329	3.686.791.579
Cộng	63.028.343.088	32.188.712.159
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	419.454.546	419.454.546
Phải trả tiền góp vốn Công ty Cổ phần Sen Hoàng Gia {i}	54.560.900.000	54.104.900.000
Cộng	54.980.354.546	54.524.354.546

- {i} Phải trả tiền góp vốn Công ty Cổ phần Sen Hoàng Gia theo Hợp đồng số 01/HĐ/HTĐT/CG-ELINCO/2014 ngày 25 tháng 06 năm 2014 về việc hợp tác triển khai công trình xây dựng "Trung tâm nghiên cứu và phát triển phần mềm, nhà điều hành sản xuất và kinh doanh, khu bao gói sản phẩm nhà máy sản xuất thẻ thông minh (Dự án Cầu Giấy)" tại Lô B1F, cụm sản xuất tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ Quận Cầu Giấy. Theo đó, Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất góp 5% giá trị hợp tác đầu tư, Công ty Cổ phần Sen Hoàng Gia góp 95% giá trị hợp tác đầu tư. Hai bên được hưởng diện tích sản phẩm chia theo tỷ lệ góp vốn. Hiện tại, dự án đang ngừng thi công do chờ cấp phép xây dựng chuyển đổi mục đích dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một số phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Vay	Trả	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	39.950.000.000	43.274.898.900	3.324.898.900	3.324.898.900
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	950.000.000	3.000.000.000	2.050.000.000	2.050.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đông Đô	-	-	-	1.274.898.900	1.274.898.900	1.274.898.900
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng - PGD Nghĩa Tân	-	-	39.000.000.000	39.000.000.000	-	-
Vay cá nhân	8.150.000.000	8.150.000.000	3.150.000.000	3.270.000.000	8.270.000.000	8.270.000.000
Bà Trần Minh Phương {i}	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Trần Quang Oánh {i}	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Trần Vũ Vinh	-	-	-	270.000.000	270.000.000	270.000.000
Bà Dương Thị Ngọc Quyên {ii}	650.000.000	650.000.000	650.000.000	-	-	-
Tổng	8.150.000.000	8.150.000.000	43.100.000.000	46.544.898.900	11.594.898.900	11.594.898.900

{i} Các khoản vay cá nhân Bà Trần Minh Phương và Ông Trần Quang Oánh theo các hợp đồng vay ngắn hạn, lãi suất từ 7%/năm đến 8%/năm.

{ii} Khoản vay Bà Dương Thị Ngọc Quyên theo hợp đồng vay ngắn hạn, lãi suất 0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	50.000.000.000	1.757.072.287	643.584.282	52.400.656.569
Lợi nhuận tăng (giảm) trong năm	-	-	4.015.067.313	4.015.067.313
Chia cổ tức	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(77.266.732)	(77.266.732)
Số dư tại ngày 31/12/2016	50.000.000.000	1.757.072.287	4.081.384.863	55.838.457.150
Lợi nhuận tăng (giảm) trong kỳ	-	-	626.113.951	626.113.951
Chia cổ tức (*)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi(*)	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	1.365.067.313	(1.365.067.313)	-
Giảm khác (**)	-	(1.010.695.539)	-	(1.010.695.539)
Số dư tại ngày 30/06/2017	50.000.000.000	2.111.444.061	692.431.501	52.803.875.562

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 317/NQ-ELINCO ngày 14 tháng 04 năm 2017.

(**) Công ty thực hiện xử lý một số tồn tại tài chính trước cổ phần hóa từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo Biên bản Tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị số 474/ELINCO-HĐQT ngày 18 tháng 05 năm 2017.

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Bộ Quốc phòng	25.500.000.000	25.500.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn MK	5.000.000.000	5.000.000.000
Cổ đông khác	19.500.000.000	19.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a - DN***Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu hoạt động thương mại	136.265.200.925	109.209.699.777
Doanh thu hoạt động xây lắp	33.947.524.798	69.370.183.453
Doanh thu dịch vụ	5.082.584.732	9.661.442.381
Cộng	175.295.310.455	188.241.325.611

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thương mại	131.272.289.241	106.718.026.643
Giá vốn hoạt động xây lắp	31.048.747.488	65.952.482.313
Giá vốn hoạt động dịch vụ	3.799.066.665	6.374.164.681
Cộng	166.120.103.394	179.044.673.637

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.583.660.772	1.255.192.485
Lãi chênh lệch tỷ giá	219.612.132	44.266.753
Cộng	1.803.272.904	1.299.459.238

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	313.539.363	356.415.707
Lỗ chênh lệch tỷ giá	615.322.293	58.644.162
Cộng	928.861.656	415.059.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân công	5.065.871.013	4.741.491.840
Chi phí khấu hao tài sản	194.379.988	240.459.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	667.939.879	847.029.026
Chi phí bằng tiền khác	2.012.808.081	873.352.624
Cộng	7.940.998.961	6.702.332.792

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	35.528.907	-
Nộp phạt hợp đồng	505.844.377	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định không phục vụ sản xuất kinh doanh	607.801.293	-
Các khoản khác	63.995.163	16.440.937
Cộng	1.213.169.740	16.440.937

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	942.614.850	1.939.165.582
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận theo kế toán	639.889.647	-
Các khoản điều chỉnh tăng	639.889.647	-
Chi phí không được trừ	639.889.647	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.582.504.497	1.939.165.582
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	316.500.899	387.833.116
Chi phí thuế TNDN hiện hành	316.500.899	387.833.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MÀU SỐ B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một số phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	626.113.951	1.551.332.466
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(25.448.403)	(75.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(25.448.403)	(75.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(25.448.403)	(75.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	600.665.548	1.476.332.466
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	120	295

- (*) Giá trị Quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 317/NQ-ELINCO ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Công ty. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 được giả định có tỷ lệ không đổi so với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.889.806.581	43.258.838.823
Chi phí nhân công	25.323.151.064	19.433.587.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.262.143.966	719.661.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.275.277.599	5.538.792.183
Chi phí khác bằng tiền	2.331.197.221	1.224.407.627
Cộng	93.081.576.431	70.175.286.936

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.16 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	8.150.000.000	11.594.898.900
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	136.103.421.832	161.331.383.177
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	52.803.875.562	55.838.457.150
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.103.421.832	161.331.383.177
Phải thu khách hàng và phải thu khác	73.760.618.441	98.653.744.570
Đầu tư dài hạn	815.333.400	1.061.033.400
Các khoản ký quỹ	2.336.151.478	1.983.055.840
Cộng	213.015.525.151	263.029.216.987
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8.150.000.000	11.594.898.900
Phải trả người bán và phải trả khác	185.690.500.895	171.356.641.250
Chi phí phải trả	904.060.724	265.107.346
Cộng	194.744.561.619	183.216.647.496

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền	136.103.421.832	-	-	136.103.421.832
Phải thu khách hàng và phải thu khác	73.760.618.441	-	-	73.760.618.441
Đầu tư dài hạn	-	815.333.400	-	815.333.400
Các khoản ký quỹ	2.336.151.478	-	-	2.336.151.478
Cộng	212.200.191.751	815.333.400	-	213.015.525.151
Tại ngày 30/06/2017				
Các khoản vay	8.150.000.000	-	-	8.150.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	130.710.146.349	54.980.354.546	-	185.690.500.895
Chi phí phải trả	904.060.724	-	-	904.060.724
Cộng	139.764.207.073	54.980.354.546	-	194.744.561.619
Chênh lệch thanh khoản thuần	72.435.984.678	(54.165.021.146)	-	18.270.963.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền	161.331.383.177	-	-	161.331.383.177
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.653.744.570	-	-	98.653.744.570
Đầu tư dài hạn	-	1.061.033.400	-	1.061.033.400
Các khoản ký quỹ	1.983.055.840	-	-	1.983.055.840
Cộng	261.968.183.587	1.061.033.400	-	263.029.216.987
Tại ngày 01/01/2017				
Các khoản vay	11.594.898.900	-	-	11.594.898.900
Phải trả người bán và phải trả khác	116.376.286.704	54.980.354.546	-	171.356.641.250
Chi phí phải trả	265.107.346	-	-	265.107.346
Cộng	128.236.292.950	54.980.354.546	-	183.216.647.496
Chênh lệch thanh khoản thuần	133.731.890.637	(53.919.321.146)	-	79.812.569.491

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Trần Quang Oánh	Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Ông Phạm Tiến Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Số dư tiền vay		
Ông Trần Quang Oánh	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a - DN**

Các Thuyết minh này là một số phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)***Thu nhập của Ban Giám đốc:*


	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tiền lương, thưởng	404.030.000	351.950.648
Cộng	404.030.000	351.950.648

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

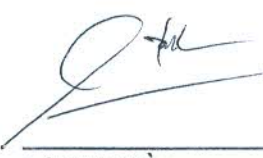
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét.


Lê Thị Hiền
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2017


Lê Thị Hiền
Kế toán trưởng




Nguyễn Việt Hùng
Giám đốc

CHUNG THỰC BAN SAO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực:.....Quyển số:

SCT/BS

Ngày: 21-11-2017




PHÓ CHỦ TỊCH
Đinh Trọng

